

Bản án số: 24/2024/DSST
Ngày 16- 12- 2024
V/v: “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học

Bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Tiến Phúc– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội: Bà Khuất Thị Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2024/TLST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: “Đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST- DS ngày 11/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 27/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, TP Hà Nội

Bị đơn: Anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Chị Tăng Thị H1, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đ ở Thôn G, xã T, huyện P, TP Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Tiến T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, TP Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện và các bản khai của các đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Chị Lê Thị H và anh Đỗ Đình Đ có quan hệ quen biết vì là người cùng xã.

Năm 2011, qua một người quen giới thiệu, anh Đ có đến nhà gặp chị H hỏi vay tiền của vợ chồng chị. Anh Đ nói là cần tiền nên muốn vợ chồng chị cho vay số tiền 200.000.000đ trong vòng 01 tháng, lãi suất thì anh Đ nói là “Chị giúp em, bao giờ em trả thì gửi chị tiền quà cho các cháu”. Hôm anh Đ đến thì chỉ gặp chị H, không gặp anh T chồng chị. Chị thấy chỗ người quen giới thiệu tin tưởng và chỉ vay 01 tháng nên đã đồng ý cho vay. Hai bên có viết giấy vay tiền ghi ngày 02/10/2011. Số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Nhưng sau 01 tháng anh Đ không trả tiền theo hẹn, cứ khát lần hết tháng này qua tháng khác. Chị H đến đòi nhiều lần nhưng không trả, anh Đ tránh mặt, chị gặp chị H1 vợ anh Đ thì chị H1 nói láo và đuổi chị về.

Do vậy, nay chị H khởi kiện anh Đ và chị H1 yêu cầu vợ chồng anh Đ phải trả chị số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Anh Đ đã được trực tiếp nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không trình bày ý kiến bằng văn bản, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Chị H1 từ chối nhận văn bản tố tụng và trình bày chị không biết việc vay mượn tiền giữa chị H và anh Đ, chị không liên quan gì và không nhận, không ký các văn bản của Tòa án. Do vậy, Tòa án không thực hiện được các thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh T xác nhận nội dung chị H khai về việc cho anh Đ vay tiền, anh đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H, yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H1 phải trả vợ chồng anh chị số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: - Chị H, anh T đề nghị HĐXX buộc vợ chồng anh Đ, chị H1 phải trả vợ chồng anh chị số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ và không yêu cầu tiền lãi.

- Bị đơn, anh Đ, chị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ các Điều 166, 429, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H. Buộc anh Đỗ Đình Đ và chị Tăng Thị H1 phải trả vợ chồng ông chị Lê Thị H, anh Đỗ Tiến T số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ.

- Về án phí: Anh Đỗ Đình Đ và chị Tăng Thị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản với bị đơn là anh Đỗ Đình Đ và chị Tăng Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn G, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Trong vụ án này, do quan hệ vay tài sản xác lập từ ngày 02/10/2011, tính đến thời điểm khởi kiện là đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là quan hệ đòi tài sản. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án dân sự là đúng thẩm quyền. theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa xét xử, anh Đ và chị H1 đều vắng mặt không có lý do. Đây là lần thứ hai Tòa án mở phiên tòa và đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Đ, chị H1 vẫn vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về khoản tiền gốc: Chị H yêu cầu anh Đ, chị H1 trả khoản tiền mà anh Đ đã vay của vợ chồng chị là 200.000.000đ theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 02/10/2011.

Anh Đ đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không trình bày ý kiến, quan điểm gì về việc này. Chị H1 cho rằng anh Đ và chị H có quan hệ vay nợ như thế nào chị không biết và không liên quan nên không ký, không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án giải quyết. Điều này cho thấy bị đơn không có ý kiến phản đối gì về việc vay tiền. Do vậy HĐXX xác định quan hệ vay nợ giữa chị H và anh Đ là có thật. Do đó yêu cầu đòi lại tiền gốc đã cho vay của chị H là có cơ sở để chấp nhận.

Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện*” song tại khoản 2 Điều 37 Luật

Hôn nhân và gia đình cũng quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”.

Trong vụ án này, trong giấy vay nợ chỉ có anh Đ ký nhận vay và không nêu rõ mục đích sử dụng khoản tiền vay. Chị H1 (vợ anh Đ) khai không biết về khoản vay này, Tuy nhiên, cả 02 vợ chồng anh chị đều không trình bày ý kiến nên không có cơ sở xác định được số tiền vay đã được sử dụng vào mục đích gì. Vì vậy, cần buộc anh Đ và chị H1 cùng có trách nhiệm chung về khoản vay này theo đúng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tiền lãi: Ban đầu nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Mặt khác, trong “Giấy vay tiền” không ghi nội dung gì liên quan đến lãi suất nên xác định các bên không thỏa thuận về lãi. Do vậy HĐXX không xem xét về lãi suất.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không thanh toán tiền gốc thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Đỗ Đình Đ và chị Tăng Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 166, 429, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H:

Buộc anh Đỗ Đình Đ và chị Tăng Thị H1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị H và anh Đỗ Tiến T số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị H, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đỗ Đình Đ và chị Tăng Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Đỗ Đình Đ và chị Tăng Thị H1 phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Lê Thị H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013298 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA